

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thành
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - sinh năm 1996

Địa chỉ: khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N - sinh năm 1994

Địa chỉ: khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L, anh N đều có đơn đề N xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự

nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2017 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh N và bố mẹ anh N tại khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau, anh N đã xúc phạm chị nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mất khác một phần cũng do hai vợ chồng chung sống với nhau nhiều năm nhưng không có con nên chung sống không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù được gia đình hai bên hoà giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề N Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại bản tự khai ngày 03/6/2022 và trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị L trình bày. Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh và gia đình anh tại khu G, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đến năm 2019 thì vợ chồng đi ra ngoài làm lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc nên dẫn đến việc vợ chồng cãi vã chửi mắng nhau. Từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng mỗi người một nơi không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm đến nhau và ly thân từ đó. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được. Nay chị L xin ly hôn anh không muốn ly hôn vì muốn vợ chồng quay về đoàn tụ chung sống cùng nhau. Nếu chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh đề N Tòa án cho anh thêm thời hạn 20 ngày kể từ ngày 03/6/2022 để anh động viên chị L quay về đoàn tụ. Nếu hết thời hạn 20 ngày mà anh không động viên được chị L quay về thì anh nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh N xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2022 ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ anh N) trình bày:* Chị L và anh N được tự nguyện kết hôn, sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh N và vợ chồng ông. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau về ý ăn ý ở trong cuộc sống vợ chồng. Từ đầu năm 2022 đến nay chị L đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh N và vợ

chồng ông nữa. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình ông đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Anh chị mỗi người ở một nơi không còn ai quan tâm đến ai. Từ ngày 03/6/2022 đến nay anh chị vẫn chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông cũng không nói được, chị L không quay về chung sống cùng anh N. Anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị L xin ly hôn ông đề N Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì việc ly hôn là do anh chị tự quyết định.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tam Sơn ngày 23/6/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị L và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/7/2017 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị L chung sống cùng anh N tại nhà bố mẹ anh N. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh N nữa. Anh chị mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn anh N đề N Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề N HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L, anh N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh N có hộ khẩu thường trú tại khu G, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị L, anh N đều có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh N là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 17/7/2017 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau, anh N đã xúc phạm chị nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặt khác một phần cũng do hai vợ chồng chung sống với nhau nhiều năm nhưng không có con nên chung sống không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù được gia đình hai bên hoà giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề N Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống. Phía anh N thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc nên dẫn đến việc vợ chồng cãi vã chửi mắng nhau. Từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng mỗi người một nơi không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm đến nhau và ly thân từ đó. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được. Ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ anh N) cũng xác nhận từ đầu năm 2022 đến nay chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh N và vợ chồng ông nữa. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình ông đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Anh chị mỗi người ở một nơi không còn ai quan tâm đến ai, sau khi làm việc với tại Tòa án đến nay anh chị vẫn chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông cũng không nói được, chị L không quay về chung sống cùng anh N. Ngày 23/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến

hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị L và anh N được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh N nữa. Anh chị mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh N đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung; Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L, anh N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

[2]. Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L, anh N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007675 ngày 19/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
THÂM

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền